

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ**  
**ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG**  
**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ**  
**ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**  
**(Phần 3)**

*Bắc Ninh, tháng 3 năm 2021*

<p>c. Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản <b>Error! Reference source not found.</b> phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản <b>Error! Reference source not found.</b> có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
<p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>6. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Sử dụng thống nhất thuật ngữ “tổ chức kiểm toán được chấp thuận” theo thuật ngữ được sử dụng tại Luật chứng khoán.</p>
<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p>	<p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc</p>	<p>Sửa phù hợp với Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>



Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
Không có	9. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).  Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	10. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.  Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Sửa phù hợp với Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và phù hợp trong trường hợp tổ chức họp Hội đồng quản trị trực tuyến hoặc các hình thức khác.
Không có	11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	Bổ sung theo Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp



	<p>12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>13. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	
<p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 0, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <u>số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết</u> có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d Khoản 0, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>15. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 12 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>Cập nhật các dẫn chiếu đến quy định trong Điều lệ và điều chỉnh cách diễn đạt.</p>



d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b <u>Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u>	d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b <u>Khoản 7 Điều 45 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u>	
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở <u>ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).</u> Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	17. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.  Sửa “có mặt” thành “dự họp” phù hợp với trường hợp tổ chức họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	<b>Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b> 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định	Tách khoản 15, và khoản 16 Điều 28 Điều lệ hiện hành thành Điều 32 Điều lệ sửa đổi theo hướng dẫn tại Điều 31 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC  Điều chỉnh nội dung phù hợp với quy định của pháp luật
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định</u>		



thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.	pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
Không có	<p><b>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;</p>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 32 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



	<p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<b>CHƯƠNG VIII</b> <b>GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, <u>CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u></b> <b><u>VÀ THƯ KÝ công ty</u></b>	<b>CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	Sửa tiêu đề, sử dụng thống nhất thuật ngữ
<b>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	<b>Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	Cập nhật STT
<b><u>Điều 30. Cán bộ quản lý</u></b>	<b>Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp</b>	Sử dụng thống nhất thuật ngữ “người điều hành doanh nghiệp” theo Luật doanh nghiệp.
<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý cần thiết</u>, với số lượng và <u>chất lượng</u> phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị <u>đề xuất tùy từng thời điểm</u>. <u>Cán bộ quản lý phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p>	<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	Sửa theo khoản 2 Điều 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	<p>2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	Bổ sung theo Điểm c khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
Không có	<p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp



2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	4. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	<p>Diễn đạt lại theo khoản 4 Điều 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Thống nhất thuật ngữ “người điều hành” theo Luật doanh nghiệp.</p>
<b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</b>	<b>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</b>	Cập nhật STT
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. <u>Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác.	Bổ nội dung trùng lặp với phạm vi quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ sửa đổi
Không có	2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 35 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	3. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật	Sửa đổi theo Khoản 2 điều 162 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 35



	cầm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
3. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	4. Giám đốc điều hành có những quyền và nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nghĩa vụ sau:	Thống nhất thuật ngữ “nghĩa vụ” theo Luật doanh nghiệp và bổ sung dẫn chiếu luật
<b>Điều 32. Thư ký Công ty</b>	<b>Điều 37. Thư ký Công ty</b>	Cập nhật STT
Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Bổ sung dẫn chiếu đến Luật Doanh nghiệp
<b>CHƯƠNG IX</b> <b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
(Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát) 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</u> 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc	<b>Điều 38. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát</b> 1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị	Tách Khoản 2 và Khoản 3 Điều 33 Điều lệ hiện hành thành Quy định riêng và sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



<p>tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
<p><b>Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát</b></p>	<p>Sửa theo Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 thành viên. <u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></p> <p><u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ, con, cha mẹ, anh em với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty. Ban kiểm soát chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban, Ban kiểm soát có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 1, khoản 2 Điều 37 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bỏ nội dung về Trưởng Ban kiểm soát do trùng lặp với quy định đã sửa đổi tại Điều 42 Điều lệ sửa đổi</p>
<p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do trùng lặp với phạm vi đã quy</p>



<p><u>đồng hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</u></p> <p><u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>		<p>định tại Điều 38 Điều lệ sửa đổi</p>
<p><u>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</u></p> <p><u>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p> <p><u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>4. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa phù hợp với Khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa phù hợp với Khoản 2 Điều 174 Luật Doanh nghiệp</p>

Không có	<p><b>Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát.</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>Điều 34. Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b>	Sửa theo Điều 39 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và <u>trách nhiệm</u> theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và <u>trách nhiệm</u> sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:	Cập nhật dẫn chiếu luật và sửa cách diễn đạt theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp
a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;	a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; quyết định mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;	Sửa phù hợp với Khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



Không có	<p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác;</p> <p>d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;</p> <p>e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 2 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2, Khoản 3 Điều 171 Luật Doanh nghiệp
2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban</u>	2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công	Sửa đổi phù hợp với Điều 171 Luật doanh nghiệp



kiểm soát. <u>Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</u>	tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	
<u>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u>	Bỏ	Bỏ do trùng lặp với phạm vi quy định tại Điều 42 Điều lệ sửa đổi
<u>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</u>	Bỏ	Bỏ do trùng lặp với phạm vi quy định tại Điều 43 Điều lệ sửa đổi
Không có	<b>Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b> 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	Bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 40 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



Không có	<p><b>Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</li> <li>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</li> <li>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</li> </ol>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Điều 41 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 172 Luật Doanh nghiệp
<p><b>CHƯƠNG X</b></p> <p><b><u>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u></b></p>	<p><b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	Sửa tiêu đề chương phù hợp với nội dung quy định chi tiết
<b>Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng</b>	<b>Điều 44. Trách nhiệm cẩn trọng</b>	Cập nhật STT
<b>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	Cập nhật STT
Không có	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người quản lý khác phải công khai các</p>	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 291 Nghị



	lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	định 155/2020/NĐ-CP
1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và <u>cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Sửa phù hợp với khoản 2 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Sửa theo khoản 3 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP
Không có	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.  5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Bổ sung theo khoản 4 và khoản 5 Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những	6. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích	Sửa phù hợp với khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



<p>người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, <u>cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>b. <u>Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u></p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban</p>	<p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có</p>	<p>Sửa phù hợp với khoản 6 Điều 47 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>



<p>trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
<b>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b>	<b>Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b>	Cập nhật STT
<b>CHƯƠNG XI</b> <b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 47. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b>	Cập nhật STT
<p><u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u></p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>c. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Sửa theo khoản 1, khoản 2 Điều 49 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>



<b>CHƯƠNG XII</b> <b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
<b>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 48. Công nhân viên và công đoàn</b>	Cập nhật STT
<b>CHƯƠNG XIII</b> <b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
<b>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</b>	<b>Điều 49. Phân phối lợi nhuận</b>	Cập nhật STT
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	Điều chỉnh phù hợp với thực tế doanh nghiệp
<b>CHƯƠNG XIV</b> <b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	
<b>Điều 41. Tài khoản ngân hàng</b>	<b>Điều 50. Tài khoản ngân hàng</b>	Cập nhật STT
<b>Điều 42. Năm tài chính</b>	<b>Điều 51. Năm tài chính</b>	Cập nhật STT
<b>Điều 43. Chế độ kế toán</b>	<b>Điều 52. Chế độ kế toán</b>	Cập nhật STT
<b>CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	



<p><b>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 46 Điều lệ này</u>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p><b>Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 55 Điều lệ này</u>, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Cập nhật STT</p> <p>Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ và điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật</p>
<p><b>Điều 45. Báo cáo thường niên</b></p>	<p><b>Điều 54. Báo cáo thường niên</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><b>CHƯƠNG XVI</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b></p>	
<p><b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b></p>		
<p><b>Điều 46. Kiểm toán</b></p>	<p><b>Điều 55. Kiểm toán</b></p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Bỏ do Điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định thời hạn Công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán là không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>
<p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 57 Phụ lục I ban hành</p>



		kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</u>	3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	Điều chỉnh theo khoản 3 Điều 57 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>CHƯƠNG XVII CON DẤU</b>	<b>CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b>	Sửa tiêu đề chương
<b><u>Điều 47. Con dấu</u></b>	<b><u>Điều 56. Dấu của doanh nghiệp</u></b>	Điều chỉnh tiêu đề
1. <u>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u>	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có)	Sửa theo khoản 3 Điều 58 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b>CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</b>	Sửa tiêu đề chương theo Mục XVIII Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
<b><u>Điều 48. Chấm dứt hoạt động</u></b>	<b><u>Điều 57. Giải thể công ty</u></b>	Sửa tiêu đề chương theo Điều 59 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC



<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi <u>đã gia hạn</u>;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa phù hợp với Điều 59 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><b>Điều 49. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 58. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	<p>Cập nhật STT</p> <p>Điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với trường hợp tổ chức họp trực tuyến</p>
<p><b>Điều 50. Thanh lý</b></p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <u>Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên</u>;</p> <p>c. <u>Thuế</u> và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. <u>Số dư</u> còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p><b>Điều 59. Thanh lý</b></p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Cập nhật STT</p> <p>Sửa theo Khoản 5 Điều 208 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 61 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>



<b>CHƯƠNG XIX</b> <b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>			<b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>			
<b>Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>			<b>Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>			Cập nhật STT
<b>CHƯƠNG XX</b> <b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>			<b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>			
<b>Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>			<b>Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>			Cập nhật STT
<b>CHƯƠNG XXI</b> <b>NGÀY HIỆU LỰC</b>			<b>CHƯƠNG XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>			Sửa tiêu đề chương
<b>Điều 53. Ngày hiệu lực</b>			<b>Điều 62. Hiệu lực thi hành</b>			Sửa tiêu đề
<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 nhất trí thông qua ngày 12/2/2015 được sửa đổi, bổ sung ngày 26/4/2016 tại Văn phòng Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>			<p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 nhất trí thông qua ngày.../.../...tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>			<p>Cập nhật thông tin áp dụng với Điều lệ sửa đổi</p> <p>Bỏ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 53 Điều lệ hiện hành do không có quy định bắt buộc tại Luật Doanh nghiệp</p>
<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>	Cập nhật ngành nghề kinh doanh
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn	5222 (chính)	1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông	5222 (chính)	



	giao thông đường thủy; điều tiết chống và trôi mùa lũ; nạo vét đường thủy			đường thủy; điều tiết chống và trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy		
2	Xây dựng nhà các loại	4100	2	Xây dựng nhà các loại	4100	
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
4	Xây dựng công trình công ích	4220	4	Xây dựng công trình công ích	4220	
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
6	Phá dỡ	4311	6	Phá dỡ	4311	
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312	7	Chuẩn bị mặt bằng	4312	
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321	8	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322	9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322	
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
13	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810	13	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	0810	
14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899	14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899	
15	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011	15	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011	
16	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312	16	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312	
17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí, các loại sản phẩm liên quan	4661	17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí, các loại sản phẩm liên quan	4661	
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn	7110	18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.	7110	
			19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290	



	giám sát thi công các công trình đường thủy.			Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy		
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290	20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7803	
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7803	23	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	
23	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663	24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
24	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	25	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530	
			26	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
			27	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	
Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.						

